

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 20

Phẩm 5: NÓI VỀ NGHIỆP (PHẦN 3)

Phát khởi luật nghi cận sự vào lúc nào?

Tụng rằng:

Gọi Cận sự phát giới

Nói như là Bí-sô...

Luận chép: Khởi tâm tịnh, ân cần, phát ngữ thành thật tự xưng con là Ô-ba-sách-ca, nguyện vâng nhớ nghĩ, từ bi hộ niệm cho.

Bấy giờ, mới phát khởi luật nghi cận sự gọi là cận sự, v.v..., vì mới phát khởi luật nghi. Do kinh lại nói: Con từ nay... cho đến lúc qua đời, vì lời nói gìn giữ sự sinh, nếu lìa xưng hiệu, chỉ thọ ba quy thành cận sự: tự xưng, nói “Con là cận sự, v.v...”, ấy là vô dụng.

Căn cứ ở nghĩa nào, nên nói lời gìn giữ sự sinh?

Vì luật nghi biệt giải được gìn giữ sự sinh, hoặc vì làm duyên cứu giúp sinh mạng mình, cũng không hủy phạm giới cấm của Như lai. Các loại phạm phu sắp thọ luật nghi, cũng có ý ưa thích vững chắc như đây, cho đến làm duyên cứu hộ sinh mạng mình, sau cùng sẽ không thiếu trái với học xứ mình đã thọ.

Lời thề như đây, thọ hiện thế gian, có thể được, nhưng có bài tụng riêng nói: “xả sự sinh”.

Lời nói này, ý nói bỏ sát sinh, v.v..., lược bỏ sát, v.v... chỉ nói “xả sự sinh” phạm phu kia dù đã được luật nghi cận sự, vì khiến biết rõ học xứ đã thích ứng, lại vì nói lìa tướng giới của năm thứ sát sinh, v.v..., khiến cho nhận thức vững chắc. Như được giới cụ túc của Bí-sô rồi, lại nói học xứ, sao cho nhận thức vững chắc, Cần sách cũng vậy luật nghi cận sự này lẽ ra cũng như thế.

Cho nên, cận sự, sẽ đủ luật nghi, không phải thọ ba quy y liền thành cận sự.

Tụng rằng:

*Nếu đều đủ luật nghi
Sao nói là một phần...
Dựa chủ thể trì, nói.*

Luận chép: Nghĩa của Đối pháp ganh ghét trong đây, nghĩa là tâm bất sinh hỷ, lại đặt ra vấn nạn này: Nếu các cận sự đều đủ luật nghi, thì vì sao Đức Thế tôn nói: Có bốn thứ:

1. Học được một phần.
2. Học được phần ít
3. Học được phần nhiều.
4. Học được mãn phần.

Lẽ nào không phải do công năng học này, đã chứng thành, không phải chỉ ba quy y liền thành cận sự. Nghĩa là nếu có riêng chỉ thọ ba quy y liền thành cận sự.

Cận sự như thế không phải trước đã nói, đã thuộc về bốn thứ, lẽ ra lại nói có cận sự thứ năm. Cận sự này hoàn toàn không có chỗ học đối với học xứ, cũng nên gọi là một cận sự. Đức Phật quán sát cận sự không phải lia luật nghi, nên trong Khế kinh chỉ nói bốn thứ, dù các cận sự đều đủ luật nghi, nhưng vì y cứ vào công năng gìn giữ, nên nói bốn thứ. Nghĩa là dù thọ đủ năm chi luật nghi mà về sau gặp duyên, hoặc hủy hoại, thiếu sót, trong đó hoặc có đối với các học xứ, có khả năng gìn giữ một phần, cho đến hoặc có người giữ đủ năm chi, nên nói rằng: công năng gìn giữ đối tượng thọ ở trước, nên nói lời nói công năng học. Không như vậy thì nên nói thọ một phần, v.v..., nên bốn thứ này, chỉ y cứ ở công năng gìn giữ. Nhưng kinh chủ nói: Căn cứ giới trì, phạm để nói một phần, v.v..., còn không nên hỏi, huống chi nên đáp.

Đâu có ai đã hiểu luật nghi cận sự, mà không thể hiểu phải đủ năm chi, và đối với chỗ học xứ, gìn giữ lấy một không phải hơn, cho đến đủ gọi là một phần bằng nhau. Do hữu tình kia chưa hiểu luật nghi cận sự, vì tuổi thọ có ít, nhiều gìn giữ, nên phải thưa hỏi.

Thường có bao nhiêu hạng Ô-ba-sách-ca có khả năng học học xứ?

Đáp: Có bốn hạng Ô-ba-sách-ca, đó là một phần, v.v... của khả năng học, cũng còn chưa có khả năng biết rõ. Lại hỏi:

Sao gọi là một phần của khả năng học, cho đến nói rộng?

Điều này hoàn toàn vô lý, vì chỉ có tông chỉ của Đối pháp đã nói trong lý, nên hỏi đáp. Dù biết cận sự, sẽ đủ luật nghi, mà chưa biết rõ tùy theo phạm một thứ nào là vượt qua tất cả, vì một không phải khác.

Vì có hoài nghi này, nên phải thưa hỏi. Các bộ, nếu có ai chưa thấy văn ấy, thì đối với nghĩa này đến nay, cũng vẫn còn tranh luận. Nếu khác với nghĩa này, thì kinh Phật thường nói: Ô-ba-sách-ca đủ năm học xứ. Đâu có ai đối với học xứ này đã khéo biết rõ, mà lại còn hoài nghi hỏi thọ nhiều ít, nếu thừa nhận như thế, thì nghi vấn trái nhau, nghĩa là Ô-ba-sách-ca kia vốn nghi lượng thọ nhiều ít, mà hỏi có bao nhiêu có khả năng học học xứ?

Đáp: Một phần học, v.v...

Chẳng lẽ lại trừ hoài nghi trước chăng?

Tức đối với nghĩa ấy không nên hỏi đáp.

Kinh chủ ở đây không chủ đích suy tìm lý lẽ tranh luận mà ôm lòng chấp lấy theo bạn nhóm. Trái với lời nói trong nghĩa Đối pháp đã nói. “Hỏi còn không nên, huống chi là đáp”.

Nếu thiếu luật nghi cũng gọi là cận sự thì Bí-sô, Cần sách thiếu cũng thành Bí-sô, Cần sách chăng? Nhưng kinh chủ nói: Vì sao không thừa nhận?

Do sức của Phật giáo lập ra khác nhau, nên dù thiếu luật nghi, nhưng thành cận sự. Bí-sô, Cần sách, thì phải đủ luật nghi. Đây là theo ý mình, chứ không có kinh nào nói.

Ở chỗ nào Đức Thế tôn nói lia luật nghi cũng thành cận sự, không phải Bí-sô, v.v...? nghe nói trong kinh bộ, có người chấp thế này: Cũng có, không có giới Cần sách, Bí-sô.

Lối chấp kia nên đồng với kiến chấp của các ngoại đạo Bồ thích noa, không phải tông chỉ của pháp Phật, tất cả phẩm loại luật nghi, v.v... không phải phẩm loại, vì không phải đồng có ba phẩm.

Phẩm hạ, trung, thượng tùy theo khác nhau, làm sao thành?

Tụng nói.

Hạ, trung, thượng tùy tâm.

Luận chép: Luật nghi biệt giải thoát mà tám chúng đã thọ, tùy theo sức tâm thọ mà thành phẩm thượng, trung, hạ. Do lý như thế, các A-la-hán có vị thành tựu luật nghi phẩm hạ, còn các phàm phu có người thành phẩm thượng.

Có những người quy y Phật, Pháp, Tăng hay quy y những gì?

Tụng rằng:

Quy y thành Phật, Tăng

Hai thứ pháp Vô học

Và Niết-bàn trạch diệt

Là nói đủ Tam quy.

Luận chép: Như Luận này chép: Quy y Phật, là quy pháp nào? Nghĩa là nếu các pháp Diệu hữu hiện có, do tướng, v.v... tướng lập ra ngôn nói, gọi là Phật-đà, quy y Phật này có khả năng thành pháp Vô học của Phật. Nói, nghĩa là: tức là nêu rõ chung, tương đương với nghĩa đã nói.

Nói các pháp: Tức biểu thị rõ vô ngã là nói tăng thêm. Nói diệu hữu là chỉ rõ hợp với tánh diệu hữu. Hiện hữu tức gọi là nghĩa hiện có thể được, hoặc vì hợp với diệu đức, nên gọi là diệu hữu. Hiện hữu tức chỉ rõ tánh của đối tượng nhận biết. Tướng, v.v... gọi là sự sai khác, là nhận biết tất cả pháp, tất cả chủng tướng, không nhờ người khác giáo hóa, nên gọi là Phật-đà, hoặc thành tựu viên mãn trí v.v... các công đức tự nhiên giác ngộ, nên gọi Phật-đà. Hoặc danh từ Phật-đà là chỉ rõ Phật kia có giác, như vật chất ngai, gọi là có chất ngai. Hoặc danh từ Phật-đà là chứng tỏ Phật có khả năng nói sự chứng giác của mình để mở bày giác ngộ cho người, như kinh Bà-la-môn vấn nói rộng.

Người có khả năng thành Phật đã hiển bày các pháp kia với Phật lập ra, vì kiến lập nhân.

Sao trong đây, đối với vô lượng pháp đều kiến lập, nêu một danh hiệu Phật như chỗ dựa trên đa số người hòa hợp, để lập một tăng bảo, một đối tượng quy y cao quý. Lại, đối với nhiều đạo vô lậu, lập một uẩn đạo, không có lỗi chằng?

Hoặc như trước đã nói.

Trước gì?

Nghĩa là tướng, v.v..., tướng lập ra ngôn nói, tức Phật nối tiếp nhau trong pháp Vô học, nhằm lập một danh Phật, không có một Phật riêng, có khả năng thành pháp Phật hay là thành các pháp nào? Nghĩa là tận trí, v.v... và quyến thuộc của tận trí kia.

Do được pháp Vô học có công năng nhận biết tất cả, vì sự vượt hơn của pháp Vô học ấy, nên thân được gọi là Phật, vì không phải thân sắc, v.v... trước, sau bằng nhau.

Vì quy y một Phật hay tất cả Phật?

Về lý, thật sự nên nói: Quy y tất cả Phật.

Vì các tướng của đạo Phật không có khác, nên sự sai khác của Tăng-già, lược có năm loại:

1. Tăng không có hổ thẹn.
2. Tăng như loài dê câm.
3. Tăng bè nhóm.
4. Tăng thế tục.

5. Tăng thắng nghĩa.

Tăng không có hổ thẹn, nghĩa là Bồ-đặc-già-la hủy hoại giới cấm mà bên ngoài mang pháp phục.

Tăng như loài dê câm, nghĩa là Bồ-đặc-già-la đối với ba tạng không thấu đạt, ví như dê câm, không có tài giảng nói. Hoặc nói người câm, rõ ràng không có nói pháp, hay lại nói dê là nói rõ không có công dụng nghe pháp, tức chứng tỏ Bồ-đặc-già-la loại này, đối với ba tạng không có công dụng nghe pháp.

Tăng bè nhóm, nghĩa là Bồ-đặc-già-la giao du tán loạn, cạnh tranh các việc kinh doanh, áp dụng phương tiện khéo léo, câu kết bè nhóm.

Ba hạng này phần nhiều làm những nghiệp phi pháp.

Tăng thế tục nghĩa là phạm phu thiện có khả năng tạo nghiệp như chính pháp lẫn nghiệp phi pháp.

Tăng thắng nghĩa, nghĩa là pháp Hữu học, Vô học và Bồ-đặc-già-la, là vật dụng được pháp kia nương tựa. Tăng thắng nghĩa này chắc chắn không chấp nhận tạo nghiệp phi pháp, hơn hết trong năm thứ là đối tượng quy y, như trong Già-tha khen ngợi quy y nói:

*Quy y này hơn hết
Quy y này tối tôn
Hẳn do quy y này
Giải thoát được các khổ.*

Ý của Ca-đa-diễn ni tử ở trong hai thứ tăng thắng nghĩa và Bồ-đặc-già-la của pháp như thế, chỉ dùng pháp làm đối tượng quy y tăng, nên trong ả luận này nói như thế này: Quy có thể thành pháp Hữu học, Vô học của tăng. Tăng có nhiều hạng, nghĩa là người hữu tình, Thanh văn, ruộng phước và Thánh tăng, v.v... Phật ở đây không phải Thanh văn tăng, có thể tăng khác vì tự nhiên giác. Nay, đối tượng quy là tăng Thanh văn, về lý, thật sự là có cả quy y với đệ tử của Chư Phật, vì tướng đạo của chư tăng không khác, nhưng Khế kinh nói: Đương lai sẽ có tăng, ông nên quy, nghĩa là kinh kia chỉ vì chỉ rõ đương lai hiện thấy Tăng bảo. Quy y Pháp, nghĩa là trở về ái tận, lìa diệt, Niết-bàn.

Như thế, tất cả là phiền não dứt, gọi là khác nhau. Hoặc có, nghĩa là vì chuyển biến của môn mê đắm vị ái, không nên từ bỏ, nên ký thác tên ái, chỉ rõ chung tất cả phiền não hết hẳn, vì ái và phiền não khác đều đồng một đối trị.

Nói ái hết, nghĩa là các ái do kiến dứt, dứt được đoạn trừ hẳn, nên người Dự lưu, khi ái này hết, ấy là tự đáp các đường ác khác đã hết, nghĩa là ta đã hết na lạc ca, v.v...

Nói lia, nghĩa là tất cả các tham trong cõi Dục, phần nhiều đã dứt, tức là nghĩa tham cõi Dục đã mỏng. Diệt, nghĩa là các ái cõi Dục hoàn toàn dứt. Phiền não của địa này sẽ chắc chắn vào lúc bấy giờ, vì chắc chắn nghĩa không có khả năng ràng buộc.

Nói Niết-bàn, nghĩa là các ái của Sắc, cõi Vô sắc đã dứt hẳn, do lúc tận này, các khổ hiện có đều vắng lặng hẳn, đây là biểu thị rõ bốn quả Sa-môn, hoặc bốn thứ này như thứ lớp đó, chỉ rõ ái của ba cõi đã dứt và mãi mãi nhập Niết-bàn.

Hoặc ái hết, nghĩa là ái ba cõi dứt. Nói lia, nghĩa là trừ ái, các phiền não khác dứt. Nói diệt, nghĩa là biểu thị rõ cõi Niết-bàn Hữu dư y. Nói Niết-bàn là chỉ rõ cõi nhập Niết-bàn Vô dư y.

Pháp nào trong đây là đối tượng quy y? Chủ thể quy là gì? Quy y là nghĩa gì?

Đối tượng quy y, nghĩa là hoàn toàn diệt đế, một phần đạo đế, trừ công đức vô lậu của học vị Bồ-tát, Độc giác thừa.

Vì sao pháp vô lậu kia không phải đối tượng quy y? Vì pháp đó không có khả năng cứu vớt nỗi sợ hãi sinh tử, nghĩa là các Độc giác không có khả năng nói pháp, răn dạy các hữu tình sao cho lia nỗi sợ hãi sinh tử, vì học vị Bồ-tát không khởi tâm kỳ hạn, nên cũng không có khả năng răn dạy người khác, nên pháp Hữu học, Vô học trong thân Độc giác kia, không là công năng cứu hộ, nên không phải đối tượng quy y.

Có sư khác nói: Vì không hòa hợp, vì không hiểu rõ, nên như thứ lớp, Độc giác, Bồ-tát không phải đối tượng quy y, vì duyên đối tượng đó cũng sinh lịnh ý vô lậu, nên đối tượng kia cũng thuộc về cảnh chứng tịnh. Trong đây, chủ thể quy y nghiệp làm thể, tự lập kỳ hạn lời thể làm tự tánh, hoặc và năm uẩn quy y thuộc làm thể, vì chủ thể quy y với tất cả ngôn thuyết, do tâm đẳng khởi, không phải lia ngoài tâm. Như thế quy y là lấy sự cứu giúp làm nghĩa.

Pháp Thánh của thân người khác và vô vi thiện sao có thể là cứu giúp thân mình?

Vì quy y pháp Thánh kia có công năng dứt nỗi sợ hãi lớn của khổ luân sinh tử vô biên.

Ba đối tượng quy y có khác nhau, nghĩa là Đức Phật chỉ có Vô học, Pháp: cả hai đều không phải. Tăng là thể xuyên suốt học và Vô học. Lại, thể của Phật là phần ít mười căn, tăng có cả mười hai. Pháp là thể chẳng phải căn, vì trạch diệt vô vi không thuộc về căn. Lại, quy y Phật, nghĩa là chỉ quy y một quả Sa-môn hữu vi.

Quy y Pháp, nghĩa là quy y cả bốn quả Sa-môn vô vi.

Quy y Tăng, nghĩa là quy y cả bốn quả Sa-môn hữu vi và bốn hướng quả. Lại, Đức Phật ví như người dẫn đường có khả năng chỉ bảo. Pháp là chỗ hướng đến phương cõi yên ổn. Tăng như bạn bè đồng bước đi trên con đường chân chánh.

Nên tìm ba nhân khác nhau này, nên tư duy vì sao đối với chỗ luật nghi khác, lập lìa phi phạm hạnh làm sở học của mình chẳng?

Chỉ ở trong một luật nghi cận sự, chỉ chế phục khiến cho người tại gia kia lìa dục, tà hạnh. Tụng rằng:

*Tà hạnh rất đáng trách
Dễ lìa được, không làm.*

Luận chép: Chỉ dục tà hạnh, rốt ráo là năng quán. Tà hạnh này đều bị người thế gian quở trách, vì xâm chiếm vợ người, v.v..., vì chiêu cảm đường ác, nên không phải phi phạm hạnh. Lại, vì trừ tà hạnh dễ xa lìa, vì các người tại gia mê đắm dục, nên lìa phi phạm hạnh, là điều khó có thể vâng giữ. Đức Phật quán biết người tại gia kia không có khả năng tu học trong thời gian dài, nên không ngăn dứt lìa phi phạm hạnh, nghĩa là vì sức thường tập từ vô thủy đến nay, nên phiền não đắm dục thường khởi hiện hành. Các người tại gia thuận theo cảnh dục, thường dễ hòa hợp, vì ức chế là khó, nên Đức Phật đã không ngăn dứt họ khiến xa lìa hoàn toàn. Lại, các bậc Thánh đối với hạnh tà dục, tất cả không tạo ra luật nghi, vì trải qua sự sinh, bậc Thánh cũng không làm, vì lìa phi phạm hạnh thì không như vậy, nên đối với luật nghi mà cận sự đã thọ lãnh, chỉ vì ngăn dứt lập lìa hạnh tà dục. Nếu khác với đây, thì trải qua sự sinh, Hữu học lẽ ra không có khả năng vâng giữ giới tánh cận sự.

Nếu các cận sự về sau, lại từ thấy thì phải ở kỳ hạn lại thọ lìa phi phạm hạnh, được chưa từng được luật nghi này phải không?

Có sư khác nói: được luật nghi này nhưng không do kỳ hạn lại này mới thành cận sự, cũng không do kỳ hạn này mà mất đi danh từ cận sự, cũng không phải ở thời gian trước, giới không viên mãn.

Có nói: Không được, chưa được luật nghi, nhưng vẫn đạt được rất nhiều tên công đức đầu-đà hơn hết, được pháp xa lìa hơn hết. Nghĩa là có thể xa lìa pháp đắm dục. Do đó, nếu có thể xa lìa vợ nhà, tịnh tu phạm hạnh, thì công lao không uổng phí. Nếu lúc chưa lấy thê, thiếp, cùng với khắp hữu tình lãnh thọ luật nghi Cận sự, về sau, khi lấy vợ đâu không phạm giới. Nay, không thuộc về người khác, như sử dụng của cải thuộc về của mình, nghĩa là vào thời đại hiện nay, dùng sức chú thuật, hoặc vận dụng các thứ phương tiện: tài sản, lý lẽ, v.v... gồm nhiếp người kia thuộc về mình, không thuộc về người, sao làm khó khiến cho người

kia phạm giới?

Lại có lý riêng: nay khi lấy người vợ kia đối với luật nghi trước không có trái phạm. Tụng rằng:

*Được luật nghi như thế
Không chung với nối tiếp.*

Luận chép: Các người thọ dục, lãnh thọ giới cận sự, như xưa thọ lời thề mà được luật nghi. Khi xưa thọ lời thề ra sao? Nghĩa là lia hạnh tà dục. Đối với các cô gái thuộc về người khác, đã nghĩ là thuộc về người khác, mà hành động phi pháp. Như vậy, mới gọi là phạm hạnh tà dục, không phải đối với tất cả hữu tình, nối tiếp lời thề lập trước đây: Ta sẽ lia phi phạm hạnh đối với người kia mà được luật nghi. Sao thời này có thể gọi phạm giới?

Đã như lời thề ở trước mà được luật nghi, nay đang thực hành theo sao gọi là phạm?

Ở trước đã lấy thề thiếp, về sau thọ luật nghi, là đối với vợ mình thì giới này cũng được phát ra vì luật nghi biệt giải thoát của cận sự... vì tất cả chỗ hữu tình đều được. Nếu khác với luật nghi này, thì đối với chính thề thiếp của mình, phi xứ, phi thời, phi chi, phi lễ, lẽ ra cũng không phạm giới hạnh tà dục chẳng?

Đối với xưa thọ, đã có phạm, thì đối với việc mới được thọ, lẽ ra không phạm, vì thế không nên bị vấn nạn như trước.

Vì sao ở trong đạo nghiệp của bốn ngữ, lập lia lời nói lừa dối, làm học xứ cận sự, không phải lập ngữ chia rẽ, v.v... khác. Cũng do ba thứ nhân mà ở trước đã nói, nghĩa là vì lời nói lừa dối, rất đáng quở trách, nên các người tại gia dễ xa lia, vì tất cả bậc Thánh được không làm, lại có nhân khác.

Tụng rằng:

*Do bày lời lừa dối
Là trái các học xứ.*

Luận chép: Vượt qua các học xứ, khi bị tra xét, chất vấn, nếu khai ngữ lừa dối, sẽ nói: Tôi không làm. Do đây, phần nhiều trái vượt về giới, nên Đức Phật vì muốn cho học xứ cận sự kia giữ vững đối với tất cả luật nghi, đều ngăn dứt lời lừa dối.

Làm sao khiến cho sức duyên kia khi phạm giới? Là tâm tức sinh xấu hổ, như thật tự phát lộ.

Vì sao đối với tất cả lia tội tánh, lập bốn thứ làm học xứ Cận sự? Nhưng đối với tất cả lia tội già, đối với luật nghi Cận sự, chỉ ngăn dứt lia uống rượu?

Tụng rằng:

*Trong giá chỉ lia rượu
Vì được luật nghi khác.*

Luận chép: Các người uống rượu, tâm thường buông lung, không thể gìn giữ các luật nghi khác, nên vì gìn giữ các giới, khiến cho lia uống rượu. Nghĩa là uống rượu rồi, đối với việc xấu ấy lạc vào tội đọa, phải làm pháp biệt hối, là trong tội của Ngũ bộ vượt hơn của người khác, không có khả năng ngăn giữ, hoặc có xứ này, do xứ này, trái vượt, nhiều loạn khắp trong biển các học xứ. Do đó, Đức Thế tôn biết uống các thứ rượu là nguyên nhân khởi tất cả tội tánh, làm tổn hại chánh niệm và chánh trí, có thể dẫn đến phá giới, phá kiến, ngu si nên trong tất cả thứ lia tội già, vì chỉ nói đây là học xứ Cận sự, nên việc lia uống rượu dù thuộc về giới già mà ở trong tất cả lập học xứ, tùy theo với lia tội tánh.

Nhưng chế luật nghi biệt giải thoát từ đâu mà được? Lại, từ đâu mà được hai luật nghi còn lại?

Tụng rằng:

*Từ tất cả hai hiện
Được luật nghi cõi Dục
Từ căn bản, hằng thời
Được tinh lự vô lậu.*

Luận chép: Luật nghi cõi Dục nghĩa là biệt giải thoát. Biệt giải thoát này từ tất cả đạo nghiệp căn bản và phần gần từ trước tới sau mà được. Từ hai được, nghĩa là từ hai loại, tức là tình, phi tình, tội tánh, tội già.

Đối với tội tánh của tình, nghĩa là nghiệp sát, v.v... tội già nghĩa là ngủ cùng nhà với người nữ qua đêm. Tội tánh phi tình, nghĩa là trộm của bên ngoài, nghĩa là đào xới đất đai, cắt đứt cỏ tươi, v.v... Từ hiện được, nghĩa là từ uẩn, xứ, giới hiện thế gian được, không phải từ quá khứ, vị lai, do luật nghi này chuyển biến xứ hữu tình, vì quá khứ, vị lai không phải xứ hữu tình. Xứ hữu tình, nghĩa là các hữu tình và chỗ nương dựa của các hữu tình hiện tại như uẩn, xứ, giới. Trọng, tức chỗ nương tựa của hữu tình. Ngoài là chỗ dựa của hữu tình vì không phải quá khứ, vị lai. Nếu được Luật nghi tinh lự vô lậu nên biết chỉ từ đạo nghiệp căn bản, do trong định chỉ có đạo nghiệp căn bản, nên không phải từ phần gần trước, sau mà được, vì ở vị định chỉ có căn bản. Ở trong vị bất định không có luật nghi này, nên từ số hữu tình đã phát ra tội già, còn không được hai thứ luật nghi này, hướng chi từ phi tình phát ra tội già. Từ hằng

thời, nghĩa là từ uẩn, xứ, giới quá khứ, hiện tại, vị lai được như cùng với giới này, vì đều có tâm. Do đó không đồng, nên có bốn luận chứng:

Có uẩn, xứ, giới từ ba đời kia chỉ được luật nghi biệt giải thoát, không phải hai luật nghi còn lại là luận chứng thứ nhất. Nghĩa là từ phần gần trước, sau hiện thế gian và các tội già. Luận chứng thứ hai, nghĩa là từ đạo nghiệp căn bản quá khứ, vị lai. Luận chứng thứ ba, nghĩa là từ đạo nghiệp căn bản hiện thế gian. Luận chứng thứ tư, nghĩa là từ phần gần trước sau, quá khứ, vị lai, đối với xứ đạo nghiệp, v.v..., dùng tiếng đạo nghiệp, v.v... để nói chỗ nương tựa kia. Nếu khác với đây, thì chỉ gọi là luật nghi ngăn ngừa vị lai, chỉ có công năng ngăn ngừa tội vị lai, khiến cho không khởi, nên không phải luật nghi phòng hộ quá khứ, hiện tại đã diệt đã sinh, vì ở luật nghi kia không có tác dụng ngăn giữ, nên các hữu đạt được luật, không là luật nghi từ tất cả nhân chi hữu tình đều bằng nhau, chẳng phải tất cả không bằng nhau. Tương ấy thế nào?

Tụng rằng:

*Luật từ các hữu tình
Chi nhân nói bất định
Không luật từ tất cả
Chi hữu tình không nhân.*

Luận chép: Luật nghi chắc chắn do điều phục thiện, ý ưa thích, duyên khắp tất cả hữu tình mới được, vì không phải phần ít duyên tùy theo tâm ác, nên chi nhân bất định. Chi nghĩa là đạo nghiệp. Vả lại, trong các luật nghi biệt giải có từ tất cả. Chi, nghĩa là giới Bí-sô có từ bốn chi được, nghĩa là ngoài luật nghi chấp nhận nhân khác nhau, lược có hai thứ:

1. Ba thứ căn thiện như vô tham, v.v...

2. Tâm đẳng khởi hạ, trung, thượng khác nhau. Căn cứ ở nhân đầu tiên, nói được tất cả luật nghi, vì tất cả nhân, do nhất tâm mà có được. Căn cứ ở nhân sau nói được tất cả luật nghi, gọi là do một nhân, vì dùng phẩm hạ, v.v... không cùng khởi, vả lại trong đây y cứ ba nhân sau để nói, hoặc có một loại nghi trụ luật nghi là đối với tất cả hữu tình được luật nghi, không phải tất cả chi, không phải tất cả nhân. Nghĩa là dùng tâm phẩm hạ, hoặc phẩm trung, hoặc phẩm thượng Cận sự, Cận sách. Hoặc có một loại trụ luật nghi, là đối với tất cả hữu tình được luật nghi, do tất cả chi, không phải tất cả nhân, nghĩa là dùng tâm phẩm hạ, hoặc phẩm trung, hoặc phẩm thượng, thọ giới, thọ giới Bí-sô, hoặc có một loại người trụ luật nghi, là đối với tất cả hữu tình được luật nghi, do tất cả chi và tất cả nhân, nghĩa là dùng ba tâm thọ giới cận sự, cận sách, Bí-

sô, hoặc có một loại người trụ luật nghi, là đối với tất cả hữu tình được luật nghi, do tất cả nhân, không phải tất cả chi. Nghĩa là dùng ba tâm thọ giới Cận sự, Cận trụ, Cận sách. Không có luật nghi nào không khắp đối với các hữu tình, người được luật nghi là đã nói nhân, nên không phải đối với một phần tâm ác của các hữu tình đã thọ luật nghi, hoàn toàn thôi dứt. Nay, nên tư duy lựa chọn.

Đối với Đức Phật đã được luật nghi trên thân một con kiến, là có khác nhau không?

Nếu Có khác nhau thì vì hưởng bất định, nên đối với luật nghi các hữu tình đã được, lẽ ra có thêm bớt. Nếu không có khác nhau thì vì sao kẻ sát nhân phạm tội vượt hơn người khác, còn người giết phi nhân thì chỉ phạm tội thô ác?

Nếu giết bằng sinh thì phạm tội đọa, vì sự sai khác của thân cảnh phi hữu tình, nên khiến cho giới đã thọ cũng có sai khác. Nhưng phạm nghiệp tội có sai khác, nên biết chỉ do gia hạnh riêng, nên gia hạnh giết người, và giết phi nhân, cho đến giết kiến đều có sai khác.

Do ý ưa thích chung, kiến lập luật nghi. Nghĩa là khắp cả hữu tình, không có sai khác, khởi ý ưa thích điều phục thiện để cầu được luật nghi, không phải đối với một hữu tình, không bỏ ý ưa thích việc ác có thể cầu được luật nghi biệt giải. Cho nên được luật nghi không có sai khác là vì người được luật nghi, chắc chắn không quán riêng duyên, thời gian, xứ của chi Bồ-đặc-già-la. Nghĩa là chắc chắn không thực hành quán riêng như thế, đối với hữu tình nào đó, ta lia sát, v.v..., đối với giới chi nào đó, ta chắc chắn hay giữ gìn, đối với cõi nước, phương kia, ta lia sát, v.v..., ta chỉ ở vào thời gian một tháng, v.v... trừ duyên chiến đấu, v.v..., có thể lia sát, v.v...

Người thọ như thế sẽ không được luật nghi, chỉ được hạnh diệu tương tự với luật nghi, nên không có. Vì sự sai khác thân các hữu tình, nên giới có sai khác. Lại, đối với thân mình, không được luật nghi biệt giải thoát thuộc về đạo nghiệp căn bản. Chớ tư duy pháp, v.v..., do tự sát hại, thành nghiệp tội thuộc về Vô gián, v.v..., được thuộc về quyền thuộc. Về lý không có ngăn dứt. Nghĩa là lia tội khác, v.v... của chúng đầu tiên. Lại, luật nghi biệt giải thoát đã thọ này, có cả tất cả cảnh có thể được, không thể được, không phải chỉ đối với cảnh có thể được luật nghi này, mà phải khắp cả hữu tình khởi ý ưa thích không có tổn não, vì không có khác nhau mới có thể được.

Nếu cho là không đúng thì ngủ, buồn bã, v.v... đều không thể sát sanh, nên không được luật nghi.

Nếu cho rằng, người kia giác ngộ được bốn tâm rồi, lại có thể giết, thì điều này lẽ ra cũng đúng, do không phải đối tượng có thể, có khả năng biến đổi xê dịch, vì cảnh có thể rồi, lại có thể giết.

Có nói: Nếu chỉ đối với công năng được luật nghi này, thì phải có thêm bớt, do hai loại cảnh nơi đối tượng có thể và không phải đối tượng có thể, vì hữu tình có chuyển đổi, việc này không thành vấn nạn. Khi cảnh chuyển đổi thì sẽ không có luật nghi này, vì nguyên nhân của được, bỏ, là cảnh của đối tượng có thể và không phải đối tượng có thể. Về sau chuyển đổi thành cảnh không thể, có thể, vì không có lý nào khiến cho nghi kia bỏ, được luật nghi, đều ở đối tượng có thể được luật nghi. Nếu muốn cảnh có thể, không thể vì có chuyển đổi, nên giới có xả, được, thì thành lỗi luật nghi có thêm bớt.

Há không phải có cỏ vốn không có mà sinh, có các hữu tình nhập viên tịch mãi mãi.

Do đó, nên có luật nghi xả, được, cũng không lìa lỗi thêm bớt của giới ở trước. Cho nên, nói trước đã nói, về lý không có lỗi. Lại, đối với quá khứ, mỗi Đức Như lai và chúng sinh đã được giáo hóa, vì nhập viên tịch, nên về sau, Đức Phật đối với chúng sinh kia không được luật nghi, có lỗi luật nghi sau, giảm hơn luật nghi trước. Luật nghi không phải đối với mỗi hữu tình, đều nối tiếp khác, vì phát riêng được. Lại, vì chi, v.v... giới của Phật trước, sau, nghĩa là các luật nghi thuận theo vô tham, v.v... làm nhân sai khác sinh chi loại khác nhau, mỗi chi loại đều một vô biểu, đều đối với tất cả xứ hữu tình được.

Vô biểu như thế đã không có phần nhỏ nhiệm, không thể phân tích thành ít, thành nhiều.

Làm sao nói có lỗi sau giảm lỗi trước. Lại, tất cả Phật cùng khắp hữu tình, đủ tất cả vô biểu của chi luật nghi, vì số chi, v.v... không có sai khác, nên không có lỗi giới của Phật sau giảm so với lỗi trước. Lại, công đức của Phật đều bình đẳng, không căn cứ hữu lậu. Không vậy thì vị trước, sau của một thân khác nhau, cũng có thêm bớt, huống chi đối với thân người mà không có lỗi thêm bớt chăng?

Đã nói từ pháp vô lậu kia được các luật nghi, được bất luật nghi chắc chắn là từ đạo nghiệp của tất cả hữu tình, không có cảnh của phần ít và bất luật nghi của chi không đủ. Bất luật nghi này chắc chắn không có, do tâm phẩm hạ, v.v... của tất cả nhân không phải đều khởi. Nếu có một loại do tâm phẩm hạ được bất luật nghi về sau, vào thời phần khác, do tâm phẩm thượng, cắt đứt mạng sống chúng sinh, loại người đó chỉ thành tựu bất luật nghi, phẩm hạ cũng thành tựu biểu, v.v... của sát sinh

phẩm thượng.

Phẩm trung, phẩm thượng, so sánh phẩm hạ này, nên biết. Trong đây, nên tư duy về việc giết mổ dê, v.v..., có kẻ chỉ thọ một mà được bất luật nghi, không nên nói: cũng có thọ một việc được.

Nếu vậy thì vì sao nói không có ai từ tất cả nhân được bất luật nghi?

Như người được luật nghi, dù ở trong biểu sai khác về sát, v.v..., trước đó đã thọ một, về sau lại thọ riêng mà bất luật nghi không phải mới được, nghĩa là vì trước đều đối với tất cả hữu tình khởi ý ưa thích không có cách nào ngăn được tổn hại, vì nuôi mạng sống nên phải thọ bất luật nghi, thời nay người đó còn thọ được gì. Cho nên bất luật nghi không có từ tất cả nhân. Tuy nhiên trong luật nghi, có người từ cận sự thọ giới Cần sách, từ Cần sách lại thọ luật nghi Bí-sô. Khi thọ khác nhau, vì quyến thuộc của đạo nghiệp đã thọ khác nhau, nên tùy theo ở kỳ hạn phải khác, được trước chưa được Do đó, có thể được từ tất cả nhân.

Trong đây sao gọi là bất luật nghi?

Là làm nghề giết dê, gà, heo, bắt chim, cá, săn bắn thú hoang, cướp, trộm, hàng làm nem thịt, cai ngục, trói rồng, nướng quay chó và đặt lờ, rập, v.v... những lối nói năng, chứng tỏ câu kết, chê bai, đâm thọc, rình mò, kẻ vạch lỗi của người, hả hê nói sự sai quấy của người khác, kẻ theo đuổi, tìm tòi phi pháp để kiếm sống. Và kẻ coi việc hình phạt của vua, viên quan thi hành lệnh hành quyết, v.v... chỉ vì thường có tâm hãm hại.

Gọi bất luật nghi, nghĩa là do chủng loại như thế, vì trụ bất luật nghi, vì hành bất luật nghi, vì khéo làm bất luật nghi, vì thường tập bất luật nghi.

Gọi bất luật nghi, nói giết mổ dê, nghĩa là vì nghề nuôi mạng sống, phải là suốt thế gian, thường muốn giết dê. Các giết mổ khác, tùy theo đối tượng thích ứng, nên biết cũng vậy. Các kẻ giết mổ dê, chỉ có tâm tổn hại đối với các loài dê, không phải đối với các loài khác, đâu được bất luật nghi đối với tất cả, khắp đối với cõi hữu tình, được các luật nghi? Lý ấy có thể như vậy. Do khắp muốn lợi lạc vượt hơn a-thế-da mà thọ được, nên không phải người bất luật nghi như giết mổ dê, v.v... đối với người rất thân của mình có ý gây tổn hại, cho đến vì duyên cứu giúp thân mạng mình, cũng không muốn giết. Sao có thể nói được bất luật nghi đối với khắp tất cả? Việc này cũng có thể như vậy.

Bất luật nghi: Vì ý ưa việc thiện hư hoại, đối với khắp cảnh hữu

tình, nên dù không có việc này mà nếu nói: Lập các hữu tình và cha mẹ, v.v..., tất cả đều tạo ra tượng dê hiện tiền, người giết mổ duyên khắp, đều có ý hại, nghĩa là kẻ giết mổ kia đã tập lâu tâm bất luật nghi, cho đến ngay cả người chí thân của mình cũng không ngó ngang tới, mà chỉ vì nuôi mạng sống mình. Nếu người chí thân của mình biến thành dê, còn có ý giết hại, hưởng chi sau chết, thật sự cảm thọ thân dê, đối với người giết mổ dê kia có thể không có ý ưa thích sát hại hay sao?

Người bất luật nghi khi thọ giới ác, thì sẽ khởi lên ý ưa thích hung dữ như thế. Nếu thân mẹ ta, v.v... tức là dê, ta cũng sẽ giết, hưởng chi sinh loại khác, do ý ưa thích này được bất luật nghi. Khác với đây, thì chỉ được tội trong xứ. Do đó, cho dù biết rõ người thân hiện không phải dê, nhưng cũng vì có tâm giết hại, nên khắp được giới ác, dù không có bậc Thánh sẽ làm thân dê mà đồng với chí thân, cũng có ý hại.

Ở đây kinh chủ nói lời so sánh này: Nếu quán sát tự thể của dê, v.v... ở vị lai, nên đối với người thân, v.v... trong hiện tại, được bất luật nghi, thì dê, v.v... vị lai có thể của người thân, v.v..., tức ở thể của người thân đó, không có tâm tổn hại, nên quán thể chí thân ở vị lai, đối với dê, v.v... hiện tại không được giới ác.

So sánh như thế, v.v..., về lý không bằng nhau, vì không có ý ưa thích việc thiện, vì có ý ưa thích điều ác, nghĩa là khi bất luật nghi chánh thọ kia, không có chánh tư duy, với ý ưa thích điều phục thiện: Ta sẽ không hại tất cả hữu tình. Có tư duy bất chính với ý ưa thích hung dữ: Ta sẽ hại khắp tất cả hữu tình. Về sự dù là dê chủ mà tâm rộng khắp. Cho nên, chấp nhận có quán dê vị lai, đối với bậc Thánh hiện tại cũng phát giới ác, không phải quán bậc Thánh đời vị lai và người chí thân, đối với thân dê hiện tại không phát giới ác. Hoặc không nhọc sức tranh cãi, về lý, lẽ ra đồng thừa nhận. Vả lại, như có một người thọ giết mổ dê, dù trong một thế gian không cho, không lấy. Đối với thể thiếp của mình, tâm trụ tri túc, im tiếng không thể nói năng, thì sẽ không có bốn lỗi của ngũ, mà nhân dê làm hư hoại A-thế-da thiện, đủ tội bất luật nghi của bảy chi.

Như thế, đối với người thân, v.v... dù không có tâm hãm hại, nhưng vì a-thế-da thiện nhân dê hư hoại, nên khắp cõi hữu tình được bất luật nghi. Nếu trước, phải thọ học xứ thiện, sau không hoàn toàn tổn hại A-thế-da thiện. Do gặp duyên riêng, chỉ người thọ sát được tội trong xứ, chẳng phải bất luật nghi, chỉ được bất luật nghi thì phải hoàn toàn tổn hại A-thế-da thiện, nên đủ được bảy chi. Nếu có lời nói so sánh. Như thọ giới thiện, có chi không đủ. Bất luật nghi này lẽ ra cũng như thế.

Nghĩa là như có người thọ luật nghi cận sự, cận trụ, cần sách dù chi không đủ, nhưng cũng được giới thuộc về chi thiếu kia, người thọ bất luật nghi lẽ ra cũng như thế. Sự so sánh này không đồng với luật nghi, bất luật nghi vì dụng công, không dụng công khác nhau, nghĩa là các giới thiện, phải nhờ vào dụng công a-thế-da thiện, mới có thể thọ được, vì khó được, về lý, thường phải như thế, lẽ ra không phải thọ một lúc đều được tất cả.

Nếu các giới ác không nhờ dụng công, thì A-thế-da ác sẽ có thể thọ được, vì không phải khó được, nên về lý, thường phải như thế nên thuận theo thọ cùng một lúc đều được tất cả. Do sức bất thiện ở cõi Dục mạnh, A-thế-da ác tự nhiên mà khởi, tạo các ác nặng, không đợi dụng công, vì a-thế-da thiện dễ hủy hoại, nên hễ thọ một thứ nào ấy là đều được thứ khác. Vì thiện thì không như vậy, nên so sánh không phải bằng nhau, Vì hiện thấy cỏ dại không dụng công sinh, phải bỏ công sức khổ nhọc, thì mọc mầm mạ tốt tươi. Lại, như có bất luật nghi, tạo ra kỳ hạn phải này, suốt thế gian, ta thường ngày, hoặc đêm, nửa tháng, một tháng, v.v..., một lần giết mổ dê, v.v... cũng được bất luật nghi, do bất luật nghi dễ thọ được, do sức bất thiện ở cõi Dục mạnh, nên dù không nghĩ làm, mà vẫn được giới ác. Có các người muốn thọ luật nghi xuất gia, nếu tạo ra kỳ hạn cần yếu, thì suốt thế gian, ta thường ngày hoặc đêm, nửa tháng, một tháng, v.v... một lần lia sát, v.v..., không được luật nghi thiện, vì luật nghi thiện khó thọ được, do sức pháp thiện ở cõi Dục yếu kém. Nếu không thường gìn giữ, thì sẽ không được giới thiện; Pháp thiện này cũng như vậy, vì so sánh không bằng.

Đã nói từ hữu lậu kia được bất luật nghi. Được bất luật nghi và vô biểu khác, như phương tiện nào chưa nói sẽ nói?

Tụng rằng:

Người được bất luật nghi

Do tạo và thế thọ

Được vô biểu chỗ khác

Do ruộng thọ hành nặng.

Luận chép: Người bất luật nghi, gồm có hai hạng:

1. Sinh ở nhà bất luật nghi.
2. Sinh vào nhà khác, về sau thọ nghiệp này.

Có những người sinh ở nhà bất luật nghi, nếu đầu tiên, hiện hành gia hạnh sát, v.v... là nghi do tạo tác được bất luật nghi. Nếu sinh vào nhà khác, về sau mới lập lời thề. Nghĩa là ta sẽ tạo nên sự nghiệp như thế, để mưu cầu tiền của, nuôi sống thân mình. Đầu tiên, khi lập thề, ấy

là phát giới ác, nghi này do thọ được bất luật nghi, do ba thứ nhân được vô biểu khác.

Vô biểu khác, là không phải luật nghi, vì không thuộc về xứ bất luật nghi.

Do ba nhân, là:

1. Do ruộng, nghĩa là đối với thửa ruộng có đức như thế, đầu tiên, bố thí vườn, rừng, v.v..., thiện vô biểu bèn sinh, như nói có dựa vào các sự nghiệp phước.

2. Do thọ, nghĩa là tự lời nói kỳ hạn phải: Từ nay, nếu tôi không cúng dường Phật và chúng Tăng, thì không ăn trước, v.v... Hoặc lập kỳ hạn lời thề, vào ngày, tháng, nửa tháng, mỗi năm, thường bố thí thức ăn. Do đó, có thiện vô biểu nối tiếp sinh.

3. Do hành nặng, nghĩa là khởi tác ý ân trọng như thế.

Hành thiện, hành ác, nghĩa là tín tịnh, thuần khiết, hoặc khi triền mạnh mẽ, nhạy bén, tạo thiện ác, có công năng phát khởi vô biểu, nối tiếp nhau trong thời gian dài, cho đến thế lực triền ràng buộc tín căn, sau cùng dứt hết, như trước đã nói.

